

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI FLY EXPRESS**

Văn Phòng: 30BT4-2 Vinaconex 3, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

MST: 0107128147

SDT: 0904735559 - 0394479777

CHUYÊN TUYẾN ĐƯỜNG BAY HCM - USA

(HÀNG THƯỜNG , THỰC PHẨM , MỸ PHẨM , TUYỆT ĐỐI KHÔNG NHẬN HÀNG KHÓ THỊT, YẾN, TRỨNG, SỮA, FAKE, THUỐC TÂY,...)

DỊCH VỤ	AIR-PRIORITY		AIR-ECONOMY	
Dịch vụ giao hàng nội địa/ Thời gian dự kiến bay Việt Nam - USA	Giao hàng UPS Ground (Ngoại trừ Hawaii/Alaska) Thời gian bay HCM-USA dự kiến 3-5 Days		Giao hàng UPS Ground (Ngoại trừ Hawaii/Alaska) Thời gian bay HCM-USA dự kiến 6-8 Days	
Thời gian dự kiến tổng giao hàng	5-7 Days	7-13 Days	10-13 Days	12-17 Days
TRỌNG LƯỢNG (KGS)	California	Phần còn lại	California	Phần còn lại
Đơn giá Vnd/ Bill				
0.5	919,697	919,697	902,472	902,472
1.0	1,035,715	1,035,715	1,001,265	1,001,265
1.5	1,151,734	1,151,734	1,100,059	1,100,059
2.0	1,267,752	1,267,752	1,198,852	1,198,852
2.5	1,461,836	1,478,733	1,375,711	1,392,608
3.0	1,577,854	1,594,752	1,474,504	1,491,402
3.5	1,693,873	1,725,337	1,573,298	1,604,762
4.0	1,809,891	1,859,418	1,672,091	1,721,618
4.5	1,938,910	2,006,499	1,783,885	1,851,474
5.0	2,067,928	2,169,311	1,895,678	1,997,061
5.5	2,353,142	2,484,241	2,163,667	2,294,766
6.0	2,482,160	2,633,070	2,275,460	2,426,370
6.5	2,611,179	2,787,725	2,387,254	2,563,800
7.0	2,740,197	2,961,609	2,499,047	2,720,459
7.5	2,869,216	3,118,595	2,610,841	2,860,220
8.0	2,998,234	3,274,999	2,722,634	2,999,399
8.5	3,127,253	3,407,513	2,834,428	3,114,688
9.0	3,256,271	3,587,806	2,946,221	3,277,756
9.5	3,385,290	3,751,784	3,058,015	3,424,509
10.0	3,540,308	3,933,022	3,195,808	3,588,522
10.5	3,825,522	4,241,542	3,463,797	3,879,817
11.0	3,954,540	4,405,520	3,575,590	4,026,570
11.5	4,083,559	4,567,168	3,687,384	4,170,993
12.0	4,212,577	4,745,713	3,799,177	4,332,313
12.5	4,341,596	4,902,699	3,910,971	4,472,074
13.0	4,483,433	5,070,173	4,035,583	4,622,323
13.5	4,623,522	5,215,506	4,158,447	4,750,431
14.0	4,761,863	5,382,398	4,279,563	4,900,098
14.5	4,890,882	5,539,384	4,391,357	5,039,859
15.0	5,023,979	5,712,102	4,507,229	5,195,352
15.5	5,328,420	6,032,275	4,794,445	5,498,300
16.0	5,457,439	6,174,112	4,906,239	5,622,912
16.5	5,588,205	6,334,012	5,019,780	5,765,587
17.0	5,717,806	6,519,548	5,132,156	5,933,898
17.5	5,854,399	6,657,307	5,251,524	6,054,432
18.0	5,990,410	6,835,269	5,370,310	6,215,169
18.5	6,129,333	6,977,106	5,492,008	6,339,781
19.0	6,261,848	7,130,596	5,607,298	6,476,046
19.5	6,410,094	7,287,000	5,738,319	6,615,225
20.0	6,539,695	7,416,018	5,850,695	6,727,018
20.5	6,679,202	7,603,303	5,972,977	6,897,078
Đơn giá Vnd/ Kgs				
21-44	318,500	344,500	292,500	325,000
45-99	318,500	344,500	292,500	325,000
100-299	318,500	344,500	292,500	325,000
300KGS+	318,500	344,500	292,500	325,000